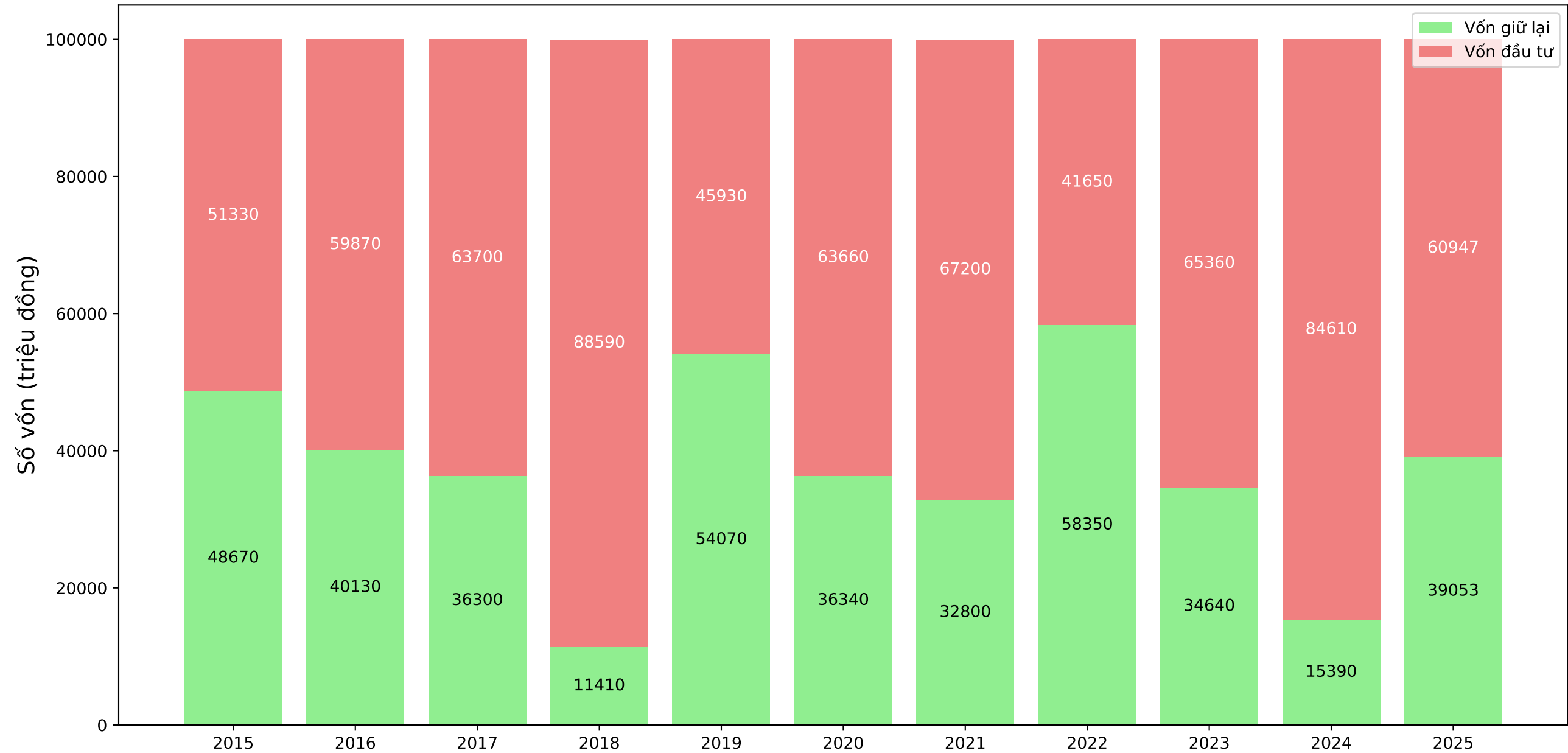


Phân chia vốn



Thông tin top 3

	nSB	RkB	Sy1	nS1	Rk1	Pr1	Sy2	nS2	Rk2	Pr2	Sy3	nS3	Rk3	Pr3
2015	4867	1	SVC	1356	132	1.591	HAP	866	278	0.905	DLG	688	274	0.656
2016	4013	1	BGM	2241	289	0.355	LCM	1793	281	0.356	TRC	1733	287	1.557
2017	3630	1	SVC	1429	298	1.031	PTL	975	252	1.312	TRC	833	230	1.071
2018	1141	1	PET	2903	317	0.952	HAR	2520	323	0.468	HAG	2317	313	0.919
2019	5407	1	PET	1577	278	0.941	FCM	656	231	0.885	BFC	633	100	0.55
2020	3634	1	HAR	3518	352	2.289	PET	1194	298	2.812	ASM	833	57	4.676
2021	3280	1	HAR	3278	359	1.61	VNE	563	352	2.197	PET	548	228	2.43
2022	5835	1	VMD	769	26	0.614	HAR	573	367	0.352	VNE	570	364	0.542
2023	3464	1	AAT	4247	336	1.194	ITC	3630	325	1.288	SMC	667	15	1.095
2024	1539	1	HAR	3839	328	0.772	SCD	3244	313	1.099	ASP	1237	11	1.037
2025	3357	1	HAR	2539	325	nan	APH	2027	225	nan	PAN	649	97	nan

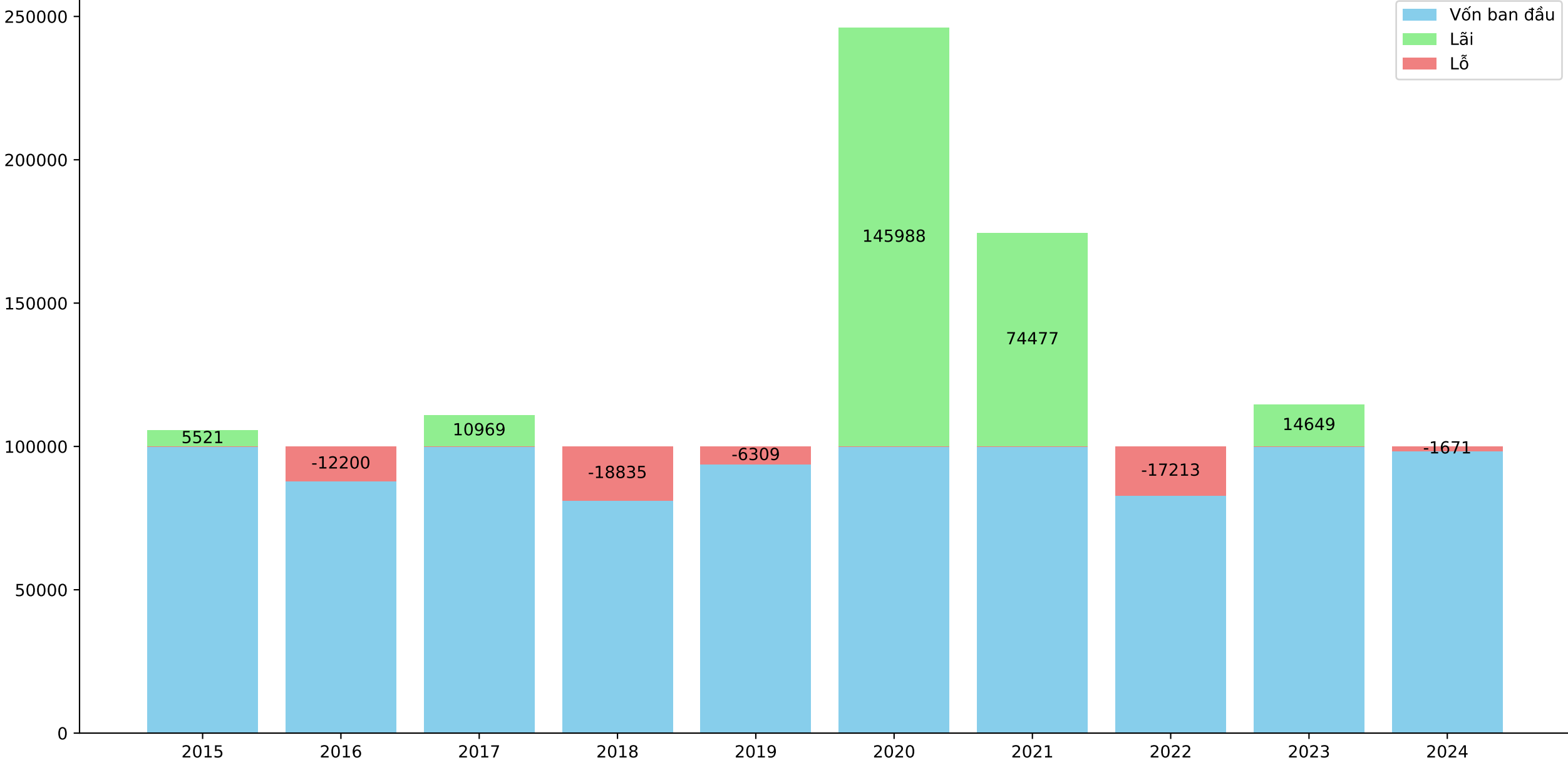
Sy: Mã công ty

Rk: Rank của SUM_RANK

nS: Số lượng gợi ý đầu tư

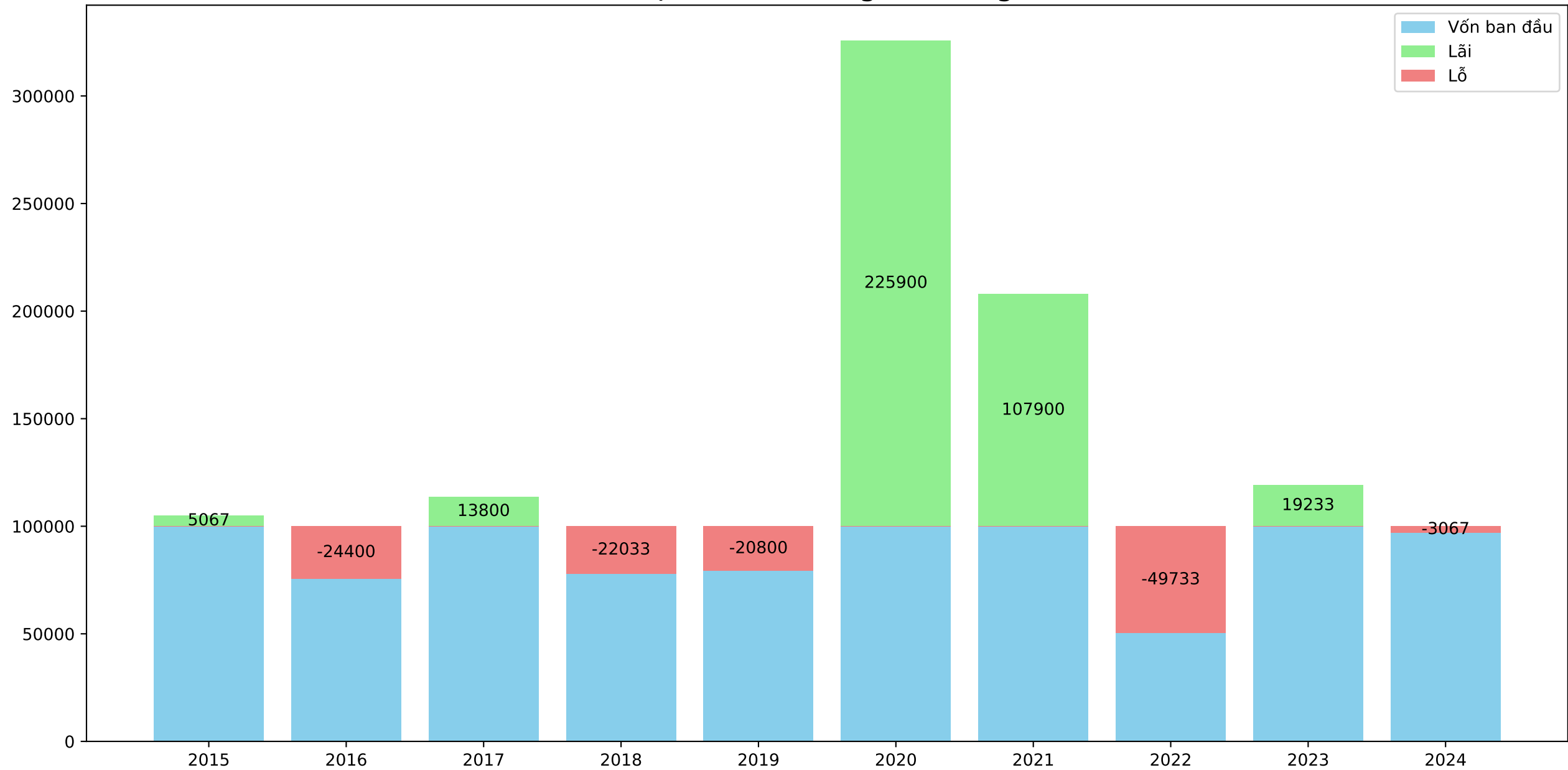
Pr: Profit (SELL/BUY)

Chiến lược đầu tư không dùng vốn gửi bank



HarMean Profit (2015 - 2024): 1.067920313299007

Chiến lược đầu tư dùng cả vốn gửi bank



HarMean Profit (2015 - 2024): 0.9665524752959469